

Số 54 /2007/QĐ-UBND

Buôn Ma Thuột, ngày 14 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư số 17/2005/TT-BXD ngày 01/11/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp lập và quản lý giá dự toán dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

Căn cứ Thông tư số 04/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05/01/2005 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm trong các Công ty nhà nước theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 35/2007/QĐ-UBND ngày 05/9/2007 của UBND tỉnh về việc ban hành Định mức công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1049/TTr - SXD ngày 14/11/2007 và Công văn số 1119/SXD-KT ngày 30/11/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Quy định các hệ số để tính phụ cấp khu vực đối với đơn giá nhân công trong bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải như sau:

- Nơi có phụ cấp khu vực là 0,1 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,0356;

- Nơi có phụ cấp khu vực là 0,2 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,0687.

3. Quy định các hệ số để tính phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với đơn giá nhân công trong bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải như sau:

- Nơi có phụ cấp độc hại, nguy hiểm là 0,1 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,0356;

- Nơi có phụ cấp độc hại, nguy hiểm là 0,2 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,0687.

Điều 2.

Bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là căn cứ để xác định giá dự toán và thanh toán dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước thải và là căn cứ để tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị thực hiện các dịch vụ công ích đô thị.

Điều 3.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Bộ Xây dựng (B/c);
- UBMTTQVN tỉnh
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (B/c);
- Vụ pháp chế - Bộ XD;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ TP;
- Công báo tỉnh;- TT Tin học;
- Website của tỉnh;
- Sở Tư pháp; -Báo Đắk Lắk
- Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh
- Lưu VT-CN-NL-TH-TM-VX-NC,CH(200)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lữ Ngọc Cư

**BỘ ĐƠN GIÁ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 54 /2007/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

**PHẦN I
THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG**

Đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột là chi phí cần thiết về vật liệu, công cụ lao động, nhân công, máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng đối với các công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải đô thị:

1. Đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải bao gồm các chi phí sau:

a) Chi phí vật liệu:

Là chi phí giá trị vật liệu chính, vật liệu phụ cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải. Chi phí vật liệu quy định trong đơn giá này đã bao gồm vật liệu hao hụt trong quá trình thực hiện công việc.

- Giá vật tư, vật liệu trong đơn giá chưa bao gồm khoản thuế giá trị gia tăng.

Trong quá trình thực hiện đơn giá, nếu giá vật liệu thực tế (Mức giá chưa có thuế giá trị gia tăng) chênh lệch so với giá vật liệu để để tính đơn giá thì được bù trừ chênh lệch. Các đơn vị căn cứ vào mức giá vật liệu thực tế (Mức giá chưa có thuế giá trị gia tăng) tại từng khu vực, ở từng thời điểm do cơ quan quản lý giá xây dựng công bố và số lượng vật liệu đã sử dụng theo định mức để tính ra chi phí vật liệu thực tế, sau đó so sánh với chi phí vật liệu theo đơn giá để xác định mức bù trừ chênh lệch chi phí vật liệu và đưa trực tiếp vào chi phí vật liệu trong dự toán.

b) Chi phí nhân công:

- Chi phí nhân công trong đơn giá chỉ bao gồm tiền lương cơ bản được xác định theo bảng lương A.1 (công trình đô thị) ban hành theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004; Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức tiền lương tối thiểu chung (mức lương tối thiểu 450.000đồng/tháng).

- Các khoản phụ cấp gồm: phụ cấp khu vực, phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm được xác định theo hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Chi phí nhân công trong đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải được tính cho loại công tác nhóm I. Đối với các loại công tác khác thuộc các nhóm khác của bảng lương A.1 thì được chuyển đổi theo hệ số sau:

Thuộc nhóm II: Bằng 1,063 so với tiền lương trong đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải.

Thuộc nhóm III: Bằng 1,145 so với tiền lương trong đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải.

c) Chi phí máy thi công:

Là chi phí sử dụng máy trực tiếp sử dụng để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải.

2. Đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải được xác định trên cơ sở:

- Định mức dự toán công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-UBND ngày 05/9/2007 của UBND tỉnh.

- Thông tư số 17/2005/TT-BXD ngày 01/11/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp lập và quản lý giá dự toán dịch vụ công ích đô thị.

- Bảng lương A.1 (công nhân công trình đô thị) ban hành theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp trong các Công ty Nhà nước.

- Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức tiền lương tối thiểu chung (450.000 đồng/tháng).

- Bảng giá ca máy và thiết bị thi công ban hành kèm theo Quyết định số 28/2006/QĐ-UBND ngày 05/6/2006 của UBND tỉnh.

II. KẾT CẤU TẬP ĐƠN GIÁ:

Tập đơn giá được phân theo nhóm, loại công tác được mã hoá thống nhất theo quy định trong tập Định mức số 35/2007/QĐ-UBND ngày 05/9/2007 của UBND tỉnh. Tập đơn giá bao gồm 02 phần:

PHẦN I : Thuyết minh và quy định áp dụng.

PHẦN II: Đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải

Chương I: Quản lý, vận hành mạng lưới thoát nước thải (bao gồm: Công tác kiểm tra, vệ sinh hệ thống tuyến ống, giếng thăm, giếng kiểm tra, giếng chuyển hướng, hộp nối)
Từ TNT1.01.00 đến TNT1.08.00.

Chương II: Quản lý, vận hành trạm bơm áp lực C2A
Từ TNT2.01.00 đến TNT2.05.00.

Chương III: Quản lý, vận hành nhà máy xử lý nước thải
Từ TNT3.01.00 đến TNT3.09.00.

Chương IV: Quản lý, vận hành trạm bơm tái sử dụng nước thải

Từ TNT4.01.00 đến TNT4.05.00.

Chương V: Quản lý, vận hành các bể chứa nước và hệ thống tuyến ống tái sử dụng nước thải.

Từ TNT5.01.00 đến TNT5.03.00.

Chương VI: Công tác vệ sinh hồ thu nước, hồ ga.

Từ TNT6.01.00 đến TNT6.02.00.

III. HƯỚNG DẪN LẬP DỰ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI:

Thực hiện theo nội dung hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư hướng dẫn phương pháp lập và quản lý giá dự toán dịch vụ công ích đô thị.

IV. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG:

- Tập đơn giá công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải là căn cứ để xác định giá dự toán dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước thải để ký kết hợp đồng và thanh quyết toán chi phí theo khối lượng dịch vụ công ích đô thị thực tế hoàn thành trong trường hợp đặt hàng thực hiện các dịch vụ và là căn cứ để tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị thực hiện các dịch vụ công ích đô thị.

- Đối với những đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải mà yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công khác với quy định trong tập đơn giá này thì các đơn vị căn cứ vào phương pháp xây dựng định mức dự toán do Bộ Xây dựng hướng dẫn để xây dựng định mức và lập đơn giá trình cấp có thẩm quyền ban hành áp dụng.

Trong quá trình sử dụng tập đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải nếu gặp vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để nghiên cứu giải quyết./.

PHẦN II

ĐƠN GIÁ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

- Chương I: Quản lý, vận hành mạng lưới thoát nước thải (bao gồm: Công tác kiểm tra, vệ sinh hệ thống tuyến ống, giếng thăm, giếng kiểm tra, giếng chuyển hướng, hộp nối)
Từ TNT1.01.00 đến TNT1.08.00
- Chương II: Quản lý, vận hành trạm bơm áp lực C2A
Từ TNT2.01.00 đến TNT2.05.00
- Chương III: Quản lý, vận hành nhà máy xử lý nước thải
Từ TNT3.01.00 đến TNT3.09.00
- Chương IV: Quản lý, vận hành trạm bơm tái sử dụng nước thải
Từ TNT4.01.00 đến TNT4.05.00
- Chương V: Quản lý, vận hành các bể chứa nước và hệ thống tuyến ống tái sử dụng nước thải.
Từ TNT5.01.00 đến TNT5.03.00
- Chương VI: Công tác vệ sinh hồ thu nước, hồ ga.
Từ TNT6.01.00 đến TNT6.02.00

CHƯƠNG I

QUẢN LÝ VẬN HÀNH MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI

I. KIỂM TRA MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI

TNT1.01 KIỂM TRA ĐƯỜNG ỐNG BẰNG MÁY GHI HÌNH

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (đổ nhiên liệu, đổ nước vào bồn, kiểm tra xe, máy phát điện, robot và thiết bị ghi hình).
- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Mở nắp giếng thăm đầu trên và đầu dưới - chờ khí độc bay đi.
- Dùng vòi phun nước vệ sinh lòng giếng và đáy giếng.
- Lắp đặt phao, bơm căng phao để bịt nước chảy xuống từ đường ống phía trên
- Đưa thiết bị kiểm tra (Robot) xuống đáy giếng và điều khiển đi vào bên trong ống.
- Theo dõi lòng cống trên màn hình và ghi lại số liệu, dữ liệu chi tiết của quá trình kiểm tra vào sổ.
- Sau khi kiểm tra xong đoạn ống, điều khiển robot ra khỏi ống và đưa robot lên.
- Tiến hành phun nước xối rửa đường dây và thiết bị kiểm tra (robot).
- Tháo dỡ phao và đưa thiết bị kiểm tra (robot) lên.
- Đậy nắp giếng thăm lại, vệ sinh công trường.
- Thu dọn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định, tháo dỡ rào chắn.
- Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng và đề xuất kế hoạch sửa chữa.

Đơn vị tính: đồng/ 50 m đường ống

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.010	Kiểm tra tuyến ống thoát nước thải bằng máy ghi hình:				
TNT1.011	Đường kính tuyến ống 150 ÷ 300mm	50 mét		5.296	46.730
TNT1.012	Đường kính tuyến ống 400 ÷ 700mm	50 mét		5.429	75.319

TNT1.02 KIỂM TRA GIẾNG THĂM, GIẾNG KIỂM TRA BẰNG THỦ CÔNG

Thành phần công việc:

- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Mở nắp giếng thăm - giếng kiểm tra, chờ khí độc bay đi.
- Dùng chổi xương vệ sinh bên trong giếng cho sạch sẽ.
- Xuống lòng giếng để kiểm tra và đánh giá tình trạng giếng thăm - giếng kiểm tra theo chỉ định bằng mắt thường, như sau:
- Tình trạng giếng thăm: nắp, thân, thành, đáy giếng.
- Mức độ tích đọng chất cặn lắng, bùn, rác.
- Ghi dữ liệu, số liệu đã kiểm tra và lập báo cáo đầy đủ theo mẫu lệnh công việc.
- Kiểm tra xong đẩy nắp giếng thăm, vệ sinh công trường.
- Tháo dỡ rào chắn thu dọn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng và đề xuất kế hoạch sửa chữa.

Đơn vị tính: đồng/1giếng

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.02	Kiểm tra giếng thăm,giếng kiểm tra bằng thủ công	1 giếng		1.148	

TNT1.03 KIỂM TRA GIẾNG CHUYỂN HƯỚNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP THỦ CÔNG

Thành phần công việc:

- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Vệ sinh mặt trên nắp giếng chuyển hướng và xung quanh giếng với bán kính 1 mét.
- Mở nắp giếng chuyển hướng kiểm tra, chờ khí độc bay đi.
- Kiểm tra và đánh giá tình trạng nắp, thân và đáy giếng
- Ghi đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.
- Đậy nắp giếng chuyển hướng.
- Vệ sinh công trường, thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng và đề xuất kế hoạch sửa chữa.

Đơn vị tính:đồng/1giếng

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.03	Kiểm tra giếng chuyển hướng bằng thủ công	1 giếng		3.134	

TNT1.04 KIỂM TRA HỘP NỔI BẰNG PHƯƠNG PHÁP THỦ CÔNG

Thành phần công việc:

- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Vệ sinh mặt trên nắp hộp nổi và xung quanh giếng với bán kính 1 mét.
- Mở nắp hộp nổi, chờ khí độc bay đi.
- Kiểm tra và đánh giá tình trạng nắp, thân và đáy giếng.
- Ghi đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.
- Đậy nắp hộp nổi.
- Vệ sinh công trường, thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng và đề xuất kế hoạch sửa chữa.

Đơn vị tính:đồng/1giếng

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.04	Kiểm tra hộp nổi bằng phương pháp thủ công	1 giếng		3.134	

II. VỆ SINH MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI BẰNG THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG

TNT1.05 VỆ SINH GIẾNG THĂM, GIẾNG KIỂM TRA BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC VÀ XE HÚT CHÂN KHÔNG

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình - bồn chứa, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe)
- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Vệ sinh mặt trên nắp giếng thăm - giếng kiểm tra.
- Mở nắp giếng thăm - giếng kiểm tra, chờ khí độc bay đi.
- Trèo xuống giếng và dùng phao bọt một (01) đầu ống.

- Dùng vòi phun áp lực phun nước vào bên trong thành và đáy giếng để xúc rửa, vệ sinh cho đến khi sạch sẽ.
- Dùng xe hút chân không hút hết rác, đất, cặn lắng bên trong đáy giếng.
- Trèo xuống giếng tháo phao bịt đầu ống và đáy nắp giếng.
- Vệ sinh công trường, thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Ghi chép đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.

Đơn vị tính:đồng/1giếng

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.05	Kiểm tra giếng thăm,giếng kiểm tra bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	1 giếng	764	6.179	153.417

TNT1.06 VỆ SINH GIẾNG CHUYỂN HƯỚNG BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC VÀ XE HÚT CHÂN KHÔNG

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình - bồn chứa, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Vệ sinh mặt trên nắp giếng chuyển hướng.
- Mở nắp giếng chuyển hướng, chờ khí độc bay đi.
- Trèo xuống giếng và dùng phao bịt một (01) đầu ống.
- Dùng vòi phun áp lực phun nước vào bên trong thành và đáy giếng để xúc rửa, vệ sinh cho đến khi sạch sẽ.
- Dùng xe hút chân không hút hết rác, đất, cặn lắng bên trong đáy giếng.
- Trèo xuống giếng tháo phao bịt đầu ống và đáy nắp giếng.
- Vệ sinh công trường, thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Ghi chép đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc

Đơn vị tính:đồng/1giếng

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.06	Vệ sinh giếng chuyển hướng bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không.	1 giếng	1.145	3.443	108.513

TNT1.07 VỆ SINH GIẾNG HỘP NỔI BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC VÀ XE HÚT CHÂN KHÔNG

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình - bồn chứa, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Vệ sinh mặt trên nắp giếng thăm.
- Mở nắp giếng hộp nổi, chờ khí độc bay đi.
- Trèo xuống giếng và dùng phao bịt một (01) đầu ống.
- Dùng vòi phun áp lực phun nước vào bên trong thành và đáy giếng để xúc rửa, vệ sinh cho đến khi sạch sẽ.
- Dùng xe hút chân không hút hết rác, đất, cặn lắng bên trong đáy giếng.
- Trèo xuống giếng tháo phao bịt đầu ống và đóng nắp giếng.
- Vệ sinh công trường, thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Ghi chép đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.

Đơn vị tính: đồng/1giếng

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.07	Vệ sinh giếng hộp nổi bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không.	1 giếng	764	3.089	104.772

TNT1.08 VỆ SINH TUYẾN ỐNG BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC VÀ HÚT CHÂN KHÔNG

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình - bồn chứa, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Mở nắp giếng thăm, giếng kiểm tra, chờ khí độc bay đi.
- Trèo xuống giếng và dùng phao bịt một (01) đầu ống.
- Đưa vòi phun nước áp lực phun vào bên trong đường ống để đẩy toàn bộ cặn lắng ra ngoài giếng thăm, giếng kiểm tra.
- Dùng thiết bị hút của xe hút chân không để hút toàn bộ phần cặn lắng trong giếng thăm, giếng kiểm tra vào bồn chứa của xe và vận chuyển đến nhà máy xử lý chất thải phần nước trong bồn, còn lại phần cặn lắng, đất, đá phải vận chuyển đến bãi chôn lấp chất thải rắn để xử lý.
- Tháo phao bịt đầu ống và đóng lại nắp giếng thăm - giếng kiểm tra.

- Vệ sinh công trường, tháo dỡ rào chắn, thu dọn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Ghi chép đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.

Đơn vị tính: đồng/50 m đường ống

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.080	Vệ sinh tuyến đường ống bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không:				
TNT1.081	Đường kính tuyến ống 150 ÷ 300mm	50 mét	9.545	5.296	306.831
TNT1.082	Đường kính tuyến ống 400 ÷ 700mm	50 mét	15.973	5.296	306.831

CHƯƠNG II QUẢN LÝ VẬN HÀNH TRẠM BƠM C2A

TNT 2.01 XẢ TRÀN KHẨN CẤP (TRƯỜNG HỢP ĐỘT XUẤT)

Thành phần công việc:

- Theo dõi mực nước trong ngăn chứa nước thải, trong ống xả tràn và mực nước suối phải bảo đảm đủ điều kiện xả tràn khẩn cấp.
- Mở nắp hồ xả tràn.
- Dùng dụng cụ chuyên dùng mở van xả tràn, điều khiển nước thải thoát khỏi trạm bơm và xả trực tiếp ra suối.
- Trong trường hợp khẩn cấp cần thông báo để được hỗ trợ kịp thời

Đơn vị tính: đồng/1 Lần thực hiện

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT2.01	Xả tràn khẩn cấp	1 lần thực hiện		6.179	

TNT2.02 VỆ SINH LƯỚI CHẮN RÁC (LƯỚI LỌC) ĐẦU VÀO (30 PHÚT VỐT RÁC 1 LẦN; 48 LẦN/NGÀY ĐÊM)

Thành phần công việc:

- Dùng cào và vớt vớt rác bám dính mặt trước lưới chắn rác (lưới lọc của hồ van) đầu vào.
- Các loại rác lấy ra từ lưới chắn rác (lưới lọc) và bẫy cát phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực trạm bơm.
- Vệ sinh hồ van và lưới chắn rác bằng vòi nước sạch.
- Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/1 Lần thực hiện

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT2.02	Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào	1 lần thực hiện		353	

TNT2.03 VỆ SINH HẦM BƠM: (30 PHÚT VỐT RÁC 1 LẦN; 48 LẦN/NGÀY ĐÊM)

Thành phần công việc:

- Dùng cào và vớt vớt rác bên trong hầm bơm.
- Đổ rác vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực trạm bơm.
- Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/Lần thực hiện

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT2.03	Vệ sinh hầm bơm	1 lần thực hiện		485	

TNT2.04 VỆ SINH BƠM CHÌM, ĐÁY HẦM BƠM (THỰC HIỆN 01 TUẦN/ LẦN)

Thành phần công việc:

- Dùng 4 máy bơm chìm bơm cạn 1 phần hầm bơm(điều khiển thủ công).
- Dùng bàn chải, miếng cước lau chùi toàn bộ các bơm chìm và hệ thống phao bơm.
- Dùng cuốc cào gom đất, cát, bùn tích tụ dưới đáy hầm bơm lại một góc.
- Dùng nước sạch và chổi làm vệ sinh lại bơm chìm, tường, và đáy hầm bơm.
- Sử dụng xe hút chân không hút hết đất, cát, rác còn lại.
- Vận chuyển bùn - nước - rác đến Nhà máy xử lý nước thải và xả bùn vào đúng vị trí tại Nhà máy XLNT.

Đơn vị tính: đồng/Lần thực hiện

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT2.04	Vệ sinh bơm chìm, đáy hầm bơm	1 lần thực hiện		26.481	270.972

TNT2.05 VẬN HÀNH HỆ THỐNG BƠM CHÌM

Thành phần công việc:

- Kiểm soát lưu lượng nước thải từ các tuyến ống thoát thải đưa về trạm bơm, kiểm tra thể tích nước chứa trong hầm bơm.
- Thiết lập chế độ hoạt động của các máy bơm (tự động hoặc thủ công) tại tủ điều khiển.
- Có mặt thường xuyên trong quá trình bơm hoạt động.
- Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/1000 m³ nước thải

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
-----------------	------------------	--------	----------	-----------	-----

TNT2.05	Vận hành hệ thống bơm chìm	1000 m ³ nước thải		32.439	
---------	----------------------------	-------------------------------	--	--------	--

CHƯƠNG III QUẢN LÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TNT3.01 ĐO LƯU LƯỢNG (30 PHÚT ĐO 1 LẦN; 48 LẦN/NGÀY ĐÊM)

Thành phần công việc:

- Theo dõi lưu lượng nước trong máng đo lưu lượng tại công trình thu.
- Ghi chép số liệu trên thiết bị đo lưu lượng bằng thủ công và tính toán lưu lượng nước thải thực tế qua máng đo lưu lượng.
- Làm vệ sinh thiết bị và máng đo lưu lượng.
- Lập bảng báo cáo và lưu trữ số liệu đo lưu lượng.

Đơn vị tính: đồng/Lần thực hiện

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.01	Đo lưu lượng nước thải qua máng đo lưu lượng	1 lần thực hiện		221	

TNT3.02 XẢ CẶN TẠI CÔNG TRÌNH THU (2 TIẾNG XẢ 1 LẦN; 12 LẦN/NGÀY ĐÊM)

Thành phần công việc:

- Kiểm tra mực nước trước van xả cặn.
- Dùng dụng cụ chuyên dùng mở van xả cặn, điều khiển nước thải thoát trực tiếp ra giếng xả cặn.
- Quan sát áp lực nước trong ống xả cặn đủ mạnh và bảo đảm cặn lắng đọng đã được ra giếng xả cặn, đóng van xả cặn.
- Vớt rác trong giếng đổ vào thùng đặt nơi qui định, vệ sinh thành giếng.

Đơn vị tính: đồng/Lần thực hiện

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.02	Xả cặn tại công trình thu	1 lần thực hiện		1.986	

TNT3.03 HÚT ĐẤT, CÁT, LÀM VỆ SINH HỐ XẢ CẶN TẠI CÔNG TRÌNH THU (HÚT, VỆ SINH 01 LẦN/NGÀY)

Thành phần công việc:

- Bật máy bơm chìm bơm nước trong hố xả cặn lên đường ống thoát nước thải.
- Dùng xe hút chân không hút hết bùn, cát, rác tích tụ dưới đáy hố.
- Dùng nước sạch phun rửa hố xả cặn; trôi xuống đáy hố, dùng dụng cụ thủ công cạy hết rác bị ở ống chắn rác của máy bơm chìm trong hố xả cặn.
- Xả nước từ xe hút chân không ra hầm tự hoại.

Đơn vị tính: đồng/Lần thực hiện

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.03	Hút, vệ sinh hố xả cặn tại công trình thu	1 lần thực hiện		11.210	81.078

TNT3.04 VỆ SINH THÁC LÀM THOÁNG (THÁC TẠO KHÍ, VỆ SINH 01 LẦN/TUẦN)

Thành phần công việc:

- Dùng cào và vớt vớt rác bám dính trong các bậc thác và đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực thác làm thoáng.
- Dùng vòi phun nước thổi tan bọt khí tích đọng trong thác làm thoáng.
- Làm vệ sinh các bậc thác và xung quanh thác làm thoáng.

Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện/1 thác

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.04	Vệ sinh thác làm thoáng	1 lần thực hiện/ 1 thác		38.265	

TNT3. 05 VỆ SINH LƯỚI CHẮN RÁC (LƯỚI LỌC) ĐẦU VÀO (30 PHÚT VỐT 1 LẦN; 48 LẦN/NGÀY ĐÊM)

Thành phần công việc:

- Dùng cào và vớt vớt rác bám dính mặt trước lưới chắn rác (lưới lọc của hồ van) đầu vào.
- Các loại rác lấy ra từ lưới chắn rác (lưới lọc) và bầy cát phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực Nhà máy XLNT.

Đơn vị tính: đồng/Lần thực hiện

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.05	Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào	1 lần thực hiện		265	

TNT3.06 VỆ SINH HỒ PHÂN CHIA LƯU LƯỢNG, HỒ THU HẦM TỰ HOẠI (THỰC HIỆN 04 LẦN/NGÀY)

Thành phần công việc:

- Dùng chổi quét rong rêu, dùng máy phun rửa các thành của hồ phân chia lưu lượng.
- Phun nước, quét dọn đất, cát, rác khu vực xung quanh hồ thu hầm tự hoại.
- Dùng cào và xẻng xúc hết đất, cát, đá trong hồ thu hầm tự hoại do xe tiếp nhận chất thải từ hầm tự hoại đưa về.
- Các loại rác, cát, đá lấy ra từ hồ thu hầm tự hoại phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực của nhà máy XLNT.

Đơn vị tính: đồng/Lần thực hiện

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.06	Vệ sinh hồ phân chia lưu lượng, hồ thu hầm tự hoại	1 lần thực hiện		2.825	

**TNT3.07 VỆ SINH CÁC GIẾNG KIỂM TRA PHÍA TRÊN VÀ TRƯỚC
CÔNG TRÌNH THU (THỰC HIỆN 01 LẦN/TUẦN)**

Thành phần công việc:

- Mở nắp gang của các giếng kiểm tra, chờ 5 - 10 phút cho khí độc bay hết.
- Dùng cào và vớt vớt hết rác nổi ở trong các giếng kiểm tra.
- Các loại rác lấy ra từ giếng kiểm tra phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực nhà xử lý nước thải.

Đơn vị tính: đồng/Lần thực hiện

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.07	Vệ sinh giếng kiểm tra bằng thủ công	1 lần thực hiện		4.987	

TNT3. 08 VỐT RÁC TÍCH ĐỘNG TRÊN MẶT HỒ KỶ KHÍ (3 THÁNG/1 LẦN), HỒ SINH HỌC (1 THÁNG/1 LẦN)VÀ HỒ LÀM THOÁNG(1 THÁNG/1 LẦN)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc.
- Đứng trên thuyền dùng vớt vớt rác tích đọng trên mặt hồ.
- Đổ rác lên phương tiện vận chuyển và chuyển đến địa điểm tập kết.
- Vệ sinh và thu dọn hiện trường về kho bãi...

Đơn vị tính: đồng/1.000 m²

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.080	Vớt rác tích đọng trên mặt hồ:				
TNT3.081	Hồ kỵ khí	1000 m ²		71.719	
TNT3.082	Hồ sinh học	1000 m ²		43.031	
TNT3.083	Hồ làm thoáng	1000 m ²		35.881	

TNT3.09 BẢO VỆ BÊN TRONG NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Thành phần công việc:

- Kiểm tra, bảo vệ vật tư tài sản bên trong nhà máy xử lý nước thải theo đúng nội qui quy định tại xí nghiệp thoát nước Thành phố Buôn Ma Thuột.

Đơn vị tính: đồng/1 ha/24giờ ngày đêm

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.09	Bảo vệ bên trong khu vực nhà máy XLNT	1 ha/ 24 giờ ngày đêm		47.665	

CHƯƠNG IV
QUẢN LÝ VẬN HÀNH TRẠM BƠM
TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI

TNT4.01 LẮP ĐẶT TẮM CHẮN (TẮM PHAI BẰNG GỖ) NGĂN DÒNG NƯỚC DÒNG SUỐI

Thành phần công việc:

- Vận chuyển bằng thủ công các tấm chắn bằng gỗ từ kho đến vị trí lắp đặt.
- Lắp đặt các tấm chắn theo đúng trình tự (14 tấm chắn).

Đơn vị tính: đồng/1Lần

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT4.01	Lắp đặt tấm chắn (tấm phai bằng gỗ) ngăn nước dòng suối	1 lần		3.266	

* Chỉ áp dụng trong mùa khô và khi có nhu cầu tưới tiêu.

TNT4.02 THÁO DỠ TẮM CHẮN (TẮM PHAI BẰNG GỖ) NGĂN DÒNG NƯỚC DÒNG SUỐI

Thành phần công việc:

- Tháo dỡ các tấm chắn theo đúng trình tự (14 tấm chắn).
- Làm vệ sinh các tấm chắn cho sạch và để khô.
- Vận chuyển bằng thủ công các tấm chắn bằng gỗ đến kho lưu giữ và xếp đúng vị trí

Đơn vị tính: đồng/1Lần

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT4.02	Tháo dỡ tấm chắn (tấm phai bằng gỗ) ngăn nước dòng suối	1 lần		10.990	

TNT4.03 VỆ SINH LƯỚI CHẮN RÁC (LƯỚI LỌC) ĐẦU VÀO, VỐT RÁC HẦM BƠM (30 PHÚT VỐT 1 LẦN)

Thành phần công việc:

- Dùng cào và vớt vớt rác bám dính mặt trước lưới chắn rác (lưới lọc của hố van) đầu vào.
- Dùng vớt vớt hết rác nổi trong hầm bơm.
- Các loại rác lấy ra từ lưới chắn rác (lưới lọc) và hầm bơm phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực trạm bơm.

Đơn vị tính: đồng/Lần thực hiện

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT4.03	Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào, vớt rác hầm bơm	1 lần thực hiện		883	

TNT4.04 VỆ SINH HẦM BƠM (THỰC HIỆN 01 LẦN/ TUẦN)

Thành phần công việc:

- Dùng 01 máy bơm chìm điều khiển bằng thủ công, bơm cạn 1 phần
- Dùng bàn chải, miếng cước lau chùi toàn bộ các bơm chìm và hệ thống phao bơm.
- Sử dụng xe hút chân không hút hết đất, cát, rác dưới đáy hầm bơm.
- Dùng nước sạch và chổi làm vệ sinh lại bơm chìm, tường, và đáy hầm bơm.
- Sử dụng xe hút hết đất, cát, rác còn lại.
- Vận chuyển bùn - nước - rác đến Nhà máy xử lý nước thải và xả bùn vào đúng vị trí tại Nhà máy XLNT.

Đơn vị tính: đồng/Lần thực hiện

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT4.04	Vệ sinh hầm bơm	1 lần thực hiện		19.552	403.544

TNT4.05 VẬN HÀNH HỆ THỐNG BƠM TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI

Thành phần công việc:

- Kiểm soát lưu lượng nước trong hầm bơm trước khi khởi động hệ thống bơm.
- Thiết lập chế độ hoạt động của 03 máy bơm (tự động hoặc thủ công) tại tủ điều khiển. Điều khiển và khởi động máy bơm.
- Có mặt thường xuyên trong quá trình bơm hoạt động.
- Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/1 máy bơm/ ngày

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT4.05	Vận hành hệ thống bơm tái sử dụng nước thải	1 lần thực hiện		11.034	

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ VẬN HÀNH CÁC BỂ CHỨA NƯỚC VÀ HỆ THỐNG TUYẾN ỐNG TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI

TNT5.01 VẬN HÀNH CÁC BỂ CHỨA NƯỚC TÁI SỬ DỤNG

Thành phần công việc:

- Theo dõi, kiểm soát lưu lượng nước trong các bể chứa, kiểm tra vật tư tài sản trong khu vực bể.
- Vớt rác nổi tích đọng trong bể.
- Vệ sinh chùi rửa các cửa van, vách tường khu vực van xả nước.
- Thực hiện việc đóng mở van xả nước tại bể chứa khi người dân có nhu cầu đăng ký tưới nước phục vụ nông nghiệp.
- Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/1 bể chứa nước thải tái sử dụng

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT5.01	Vận hành các bể chứa nước tái sử dụng	1 bể chứa		7.238	

TNT5.02 VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG TỰ CHẢY

Thành phần công việc:

- Kiểm tra tình hình vật tư tài sản hệ thống tuyến đường ống tự chảy và các thiết bị khác trên hệ thống.
- Thực hiện việc đóng mở các van xả nước trên các tuyến ống tự chảy khi người dân có nhu cầu đăng ký tưới nước.
- Thay thế, sửa chữa những vị trí van bị hư, rò rỉ nước...
- Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/1.000 m đường ống

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT5.02	Vận hành hệ thống đường ống tự chảy	1000 m đường ống		32.792	

TNT5.03 BẢO VỆ BỂ CHỨA VÀ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG TỰ CHẢY

Thành phần công việc:

- + Kiểm tra, bảo vệ tài sản vật tư trong khu vực bể chứa và vật tư tài sản hệ thống tuyến đường ống tự chảy và các thiết bị khác trên hệ thống.
- + Ghi chép số liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/1 bể chứa và
hệ thống đường ống kèm theo

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT5.03	Bảo vệ bể chứa và hệ thống đường ống tự chảy	1 bể chứa và hệ thống ống kèm theo		44.135	

CHƯƠNG VI CÔNG TÁC VỆ SINH HỒ THU NƯỚC, HỒ GA

TNT6.01 VỆ SINH MIỆNG HỒ THU NƯỚC, HỒ GA BẰNG THỦ CÔNG TRONG MƯA

Thành phần công việc:

- Di chuyển đến vị trí hồ thu nước, miệng hồ ga.
- Dùng chổi, cào sắt thu gom rác, đất, đá gọn lại thành đồng. Hốt hết rác ở miệng hồ thu nước, hồ ga và bỏ vào bịch nilon.
- Bỏ bịch rác vào thùng container đặt ở hai bên đường.
- Sau khi vệ sinh xong miệng hồ thu nước, hồ ga thì di chuyển đến các vị trí khác theo quy định.

Đơn vị tính: đồng/ 100 hồ

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT6.01	Vệ sinh miệng hồ thu nước, hồ ga bằng thủ công	100 hồ		179.187	

TNT6.02 VỆ SINH MIỆNG HỒ THU NƯỚC BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC (6 LẦN/1NĂM)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước đầy bồn chứa, châm dầu nhớt...).
- Đến vị trí chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trình.
- Dùng vòi phun áp lực xịt rửa toàn bộ bề mặt lưới chắn rác.
- Dùng móc sắt, xà beng ngắt cây hết đá, rác thải còn mắc kẹt trên lưới chắn rác.
- Dùng chổi xương quét dọn rác, đất, cát văng xung quanh miệng hồ thu nước và bỏ vào bịch nilon.
- Bỏ bịch rác vào thùng container đặt ở hai bên đường.
- Thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện và di chuyển đến các vị trí khác theo quy định.

Đơn vị tính: đồng/1hồ

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT6.02	Vệ sinh miệng hồ nước bằng xe phun rửa áp lực	1hồ	764	1.633	91.400

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bảng quy định nhóm I, II, III của công nhân công trình đô thị theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp trong các Công ty Nhà nước

5. Công trình đô thị	
<u>a) Nhóm I:</u>	- Quản lý, bảo dưỡng các công trình cấp nước; - Duy tu mương, sông thoát nước; - Quản lý công viên; - Ghi số đồng hồ và thu tiền nước.
<u>b) Nhóm II:</u>	- Bảo quản phát triển cây xanh; - Quản lý vườn thú; - Quản lý hệ thống đèn chiếu sáng công cộng; - Nạo vét mương, sông thoát nước; - Nạo vét cống ngang; thu gom đất; thu gom rác (trừ vớt rác trên kênh và ven kênh); - Vận hành hệ thống chuyên dùng cầu nâng rác, đất; - Nuôi chim, cá cảnh; ươm trồng cây.
<u>c) Nhóm III:</u>	- Nạo vét cống ngầm; - Thu gom phân; - Nuôi và thuần hóa thú dữ; - Xây đặt và sửa chữa cống ngầm; - Quét dọn nhà vệ sinh công cộng; - San lấp bãi rác; - Vớt rác trên kênh và ven kênh; - Chế biến phân, rác; - Xử lý rác sinh hoạt, xử lý chất thải y tế, chất thải công nghiệp; - Công nhân mai táng, điện táng; - Chặt hạ cây trong đường phố.

**ĐƠN GIÁ CA MÁY THI CÔNG VÀ NHÂN CÔNG TRONG ĐƠN GIÁ
CÔNG TÁC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 54 /2007/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

STT	DANH MỤC NHÂN CÔNG, MÁY THI CÔNG	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (Đ)
	<u>NHÂN CÔNG:</u>		
1	Nhân công bậc 3,5/7	công	40.759,62
2	Nhân công bậc 4,0/7	công	44.134,62
3	Nhân công bậc 4,5/7	công	48.115,38
	<u>MÁY THI CÔNG:</u>		
1	Xe chuyên dùng	ca	865.374
2	Xe phun rửa áp lực 4m ³	ca	2.285.003
3	Xe hút chân không 4m ³	ca	1.456.837
4	Máy bơm nước 27m ³ /H	ca	72.944

MỤC LỤC

ĐƠN GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 54 /2007/QĐ-UBND
ngày 14 /12/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Mã hiệu đơn giá	Nội dung	Trang
	Quyết định số /2007/QĐ-UBND ngày /12/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành bộ đơn giá công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	1
PHẦN I	THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG	3
PHẦN II	ĐƠN GIÁ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI	6
Chương I	QUẢN LÝ VẬN HÀNH MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI	7
TNT1.011	Kiểm tra tuyến ống thoát nước thải Φ 150 ÷ Φ 300mm bằng máy ghi hình	7
TNT1.012	Kiểm tra tuyến ống thoát nước thải Φ 400 ÷ Φ 700mm bằng máy ghi hình	7
TNT1.02	Kiểm tra giếng thăm, giếng kiểm tra bằng thủ công	8
TNT1.03	Kiểm tra giếng chuyên hướng bằng PP thủ công	8
TNT1.04	Kiểm tra hộp nối bằng phương pháp thủ công	9
TNT1.05	Vệ sinh giếng thăm, giếng kiểm tra bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	9
TNT1.06	Vệ sinh giếng chuyên hướng bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	10
TNT1.07	Vệ sinh giếng hộp nối bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	10
TNT1.081	Vệ sinh giếng hộp nối bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không đường kính tuyến ống Φ 150 ÷ Φ 300mm	12
TNT1.082	Vệ sinh giếng hộp nối bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không đường kính tuyến ống Φ 400 ÷ Φ 700mm	12
Chương II	QUẢN LÝ VẬN HÀNH TRẠM BƠM C2A	
TNT2.01	Xả tràn khẩn cấp	13
TNT2.02	Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào	13
TNT2.03	Vệ sinh hầm bơm (30 phút vớt rác 1 lần; 48 lần/ngày đêm)	14
TNT2.04	Vệ sinh bơm chìm, đáy hầm bơm (thực hiện 01 tuần/lần)	14
TNT2.05	Vệ sinh hệ thống hầm bơm	14

Mã hiệu đơn giá	Nội dung	Trang
Chương III	QUẢN LÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI	15
TNT3.01	Đo lưu lượng (30 phút đo 1 lần; 48 lần/ngày đêm)	15
TNT3.02	Xả cặn tại công trình thu (2 tiếng xả 1 lần; 12 lần/ngày đêm)	14
TNT3.03	Hút đất, cát; làm vệ sinh hố xả cặn tại công trình thu (hút, vệ sinh 01 lần/ngày)	16
TNT3.04	Vệ sinh thác làm thoáng (Thác tạo khí, vệ sinh 01 lần/tuần)	16
TNT3.05	Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào (30 phút vớt 1 lần; 48lần/ngày đêm)	17
TNT3.06	Vệ sinh hồ phân chia lưu lượng, hồ thu hầm tự hoại (thực hiện 4 lần/ngày)	17
TNT3.07	Vệ sinh các giếng kiểm tra phía trên và trước công trình thu (thực hiện 1lần/tuần)	18
TNT3.081	Vớt rác tích đọng trên mặt hồ kỵ khí	18
TNT3.082	Vớt rác tích đọng trên mặt hồ sinh học	18
TNT3.083	Vớt rác tích đọng trên mặt hồ làm thoáng	18
TNT3.09	Bảo vệ bên trong nhà máy xử lý rác thải	19
Chương IV	QUẢN LÝ VẬN HÀNH TRẠM BƠM TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI	20
TNT4.01	Lắp đặt tấm chắn (tấm phai bằng gỗ) ngăn dòng nước dòng suối	20
TNT4.02	Tháo dỡ tấm chắn (tấm phai bằng gỗ) ngăn dòng nước dòng suối	19
TNT4.03	Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào, vớt rác hầm bơm (30 phút vớt 1 lần)	21
TNT4.04	Vệ sinh hầm bơm (thực hiện 01 lần/tuần)	21
TNT4.05	Vận hành hệ thống bơm tái sử dụng nước thải	22
Chương V	QUẢN LÝ VẬN HÀNH CÁC BỂ CHỨA NƯỚC VÀ HỆ THỐNG TUYẾN ỐNG TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI	23
TNT5.01	Vận hành các bể chứa nước tái sử dụng	23
TNT5.02	Vận hành hệ thống đường ống tự chảy	23
TNT5.03	Bảo vệ bể chứa và hệ thống đường ống tự chảy	24
Chương VI	CÔNG TÁC VỆ SINH HỒ THU NƯỚC, HỒ GA	25
TNT6.01	Vệ sinh miệng hồ thu nước, hồ ga bằng thủ công trong mưa	25
TNT6.02	Vệ sinh miệng hồ thu nước bằng xe phun rửa áp lực (6 lần/1năm)	25
	Bảng quy định nhóm lương công nhân công trình đô thị	26
	Giá nhân công; giá ca máy công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải	27
	Mục lục	28

